



zǒu hòu mén

走后门

verb · lit. to enter by the back door

Example Sentence

lǎo wáng zài huì yì shàng yán lì pī píng le zǒu hòu mén de bú zhèng zhī fēng
老王在会议上严厉批评了走后门的不正之风。

Lao Wang severely criticized the unhealthy tendency of using backdoor connections at the meeting.

Trace each character, then write the word on your own.

走	走	走	走	走	走	走	走	走	走		
后	后	后	后	后	后	后	后	后	后		
门	门	门	门	门	门						